| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 115/2026/QĐST-HNGĐ | *Thanh Hóa, ngày 21 tháng 4 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tự nguyện ly hôn ngày 13 tháng 4 năm 2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 159/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Phạm Thái H, sinh năm 1984

Số CCCD: 038084022028.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị D, sinh năm 1986

Số CCCD: 038186021623.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D tự nguyện kết hôn, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 01/4/2021. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hòa giải được. Nay anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận

sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy anh H và chị D thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D.

[2] Về con chung: Anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2024. Anh chị thỏa thuận giao cháu Phạm Quỳnh A cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị thỏa thuận anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Phạm Quỳnh A đủ 18 tuổi. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị.

[3] Về tài sản và công nợ: Anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D thống nhất anh Phạm Thái H chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D.

- Về con chung: Công nhận anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2024.

Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị D, giao cháu Phạm Quỳnh A cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Phạm Quỳnh A đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D.

- Về tài sản và công nợ: Anh Phạm Thái H và chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Thái H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh H đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/26E số: 0002595 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (anh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND Khu vực 4 - Thanh Hóa;*
*- UBND xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa;*
*- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Ngọc Tú**